

An Giang, ngày 14 tháng 5 năm 2025

BẢNG TỔNG HỢP

Ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi lấy ý kiến, góp ý: **71**; Tổng số ý kiến nhận được: **37 ý kiến (từ văn bản góp ý của 17 cơ quan, đơn vị).**
2. Kết quả cụ thể như sau:

TT	Nhóm vấn đề/Điều, khoản	Chủ thể góp ý	Nội dung góp ý	Nội dung tiếp thu, giải trình
1	-	Ban quản lý Di tích Văn hóa Óc Eo (tại Công văn số 215/BQL-QTDL ngày 12/5/2025)	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
2	-	UBND huyện Châu Phú (tại Công văn số	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-

		423/UBND-VP ngày 13/5/2025)		
3	-	Tỉnh Đoàn An Giang (tại Công văn số 1622-CV/TĐTN-VP ngày 12/5/2025)	Thông nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
4	-	Sở Nội vụ (tại Công văn số 1269/SNV-VP ngày 13/5/2025)	Thông nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
5	-	UBND huyện An Phú (tại Công văn số 747/UBND-VX ngày 13/5/2025)	Thông nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
6	-	UBND huyện Chợ Mới (tại Công văn số 792/UBND-VX ngày 13/5/2025)	Thông nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
7	Khoản 2 Mục V của dự thảo Tờ trình	Sở Tài chính (tại Công văn số 1275/STC-THQH ngày 13/5/2025)	Đề nghị đơn vị soạn thảo điều chỉnh bỏ cụm từ “(Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh An Giang; Hiệp Hội nghề nuôi và chế biến thủy sản tỉnh An Giang...)”	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Điểm c khoản 1 Mục VI của dự thảo Tờ		Nguồn kinh phí thực hiện, đề nghị điều chỉnh như sau: “Nguồn kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo

	trình		<i>lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ do Trung ương và tỉnh phân bổ hàng năm; Thực hiện đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước”.</i>	
	Điểm b, khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết		Đề nghị đơn vị soạn thảo điều chỉnh bỏ cụm từ “(Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh An Giang; Hiệp Hội nghề nuôi và chế biến thủy sản tỉnh An Giang...)”	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Phần căn cứ dự thảo Nghị quyết		Đề nghị bỏ căn cứ “Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017” do dự thảo Nghị quyết áp dụng theo Luật Công nghệ thông tin, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Đầu thầu, các Nghị định hướng dẫn và các Thông tư hướng dẫn của Bộ quản lý chuyên ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết		Đề nghị bổ sung cụm từ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu: “... a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện <i>mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ....</i> ”	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo

	Điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết		Đề nghị bổ sung cụm “tổ chức”: “...b) <i>Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao kinh phí...</i> ”.	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	-		Xem xét thống nhất các cụm từ “từ 200 triệu đồng”, “trên 200 triệu đồng”, “dưới 200 triệu đồng”, tương ứng với thẩm quyền, tránh gây hiểu lầm, khó hiểu trong công tác triển khai thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	-		Ngoài ra, đơn vị soạn thảo tham khảo thêm ý kiến của Sở Nội vụ về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp để thuyết minh, làm rõ đối tượng được phân cấp tại khoản 1 Điều 2 cho phù hợp theo phân cấp Luật Ngân sách nhà nước và quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở và cấp quốc gia ủy quyền cho tỉnh An Giang quản lý sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, tránh vướng mắc khi áp dụng thực tế.	- Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu ý kiến góp ý. - Dự thảo Tờ trình, Nghị quyết đã được gửi lấy ý kiến của Sở Nội vụ, theo đó Sở Nội vụ đã có ý kiến thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết tại Công văn số 1269/SNV-VP ngày 13/5/2025
	-		Đề nghị đơn vị soạn thảo tham khảo thêm các Nghị quyết đã được ban hành của các tỉnh, thành phố lân cận.	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu ý kiến góp ý. Trong quá trình xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham khảo Nghị quyết

				của các địa phương đã ban hành, đặc biệt là các tỉnh trong khu vực vùng Đồng bằng sông Cửu Long
8		Sở Tư pháp (tại Công văn số 967/STP-XDKT&TDTHPL ngày 14/5/2025)	Về thẩm quyền, sự cần thiết ban hành Tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 91 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu quy định: “Điều 91. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm 1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản: c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương”. 2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp tại khoản 1 Điều này: b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm đối với nguồn kinh phí khoa	Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất

			<i>học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của địa phương);”.</i> Tại Điều 51 của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP quy định: <i>“28. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau:</i> <i>Điều 51. Quản lý thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước</i> <i>2. Đối với các hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 24 Điều 3 Nghị định này sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là dự án), sau khi được phân bổ dự toán theo quy định tại khoản 5 Điều này, thực hiện theo quy định tại Điều 51a Nghị định này.</i> <i>3. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường, sau khi được phân bổ dự toán theo</i>	
--	--	--	--	--

			quy định tại khoản 5 Điều này, thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định này. 4. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại khoản 2, 3 Điều này b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương...” Tại điểm a khoản 1 Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 50 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật <u>theo trình tự, thủ tục rút gọn</u> 1. Việc xây dựng, ban hành văn bản	
--	--	--	---	--

			<i>quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc các trường hợp sau đây:</i> <i>b) Trường hợp cấp bách để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn”.</i> Căn cứ các quy định trên, nhằm kịp thời thực hiện mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ; thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý tỉnh An Giang (<i>trình tự, thủ tục rút gọn</i>) <i>là cần thiết đúng thẩm quyền.</i>	
	Điều 1 dự thảo Nghị quyết		Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Điều 1 thành “<i>Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</i>”.	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết		Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “<i>về</i>” trong cụm từ “<i>quy định về thẩm quyền</i>” tại điểm a khoản 1.	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo

	Điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết	Tại khoản 3 Điều 134 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định: “3. Đối với việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả nhiệm vụ khoán chi từng phần và nhiệm vụ khoán chi đến sản phẩm cuối cùng), tổ chức, cá nhân chủ trì chịu trách nhiệm thực hiện việc mua sắm mà không phải áp dụng quy định tại <u>Luật Đấu thầu</u> và Nghị định này nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.”, căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định điểm b khoản 1 Điều 1.	Sở Khoa học và Công nghệ giải trình như sau: việc quy định điểm b khoản 1 Điều 1 để thuận tiện cho việc áp dụng trong thực tiễn
	Điều 2, 3 dự thảo Nghị quyết	có các đối tượng cụ thể, đồng thời, các đối tượng được giao thẩm quyền đều là “ <i>cá nhân</i> ”, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu quy định đối tượng áp dụng phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định cụ thể, phù hợp đối với cụm từ “(Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh An Giang; Hiệp Hội nghề nuôi và chế biến thủy sản tỉnh An Giang...)”	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính tại Công văn số 1275/STC-THQH

				ngày 13/5/2025
	Điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết		Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “đến” trong cụm từ “đến dưới 05 tỷ đồng” tại điểm b khoản 2 Điều 2; đồng thời, quy định phù hợp hơn cụm từ “ <i>quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị đến dưới 05 tỷ đồng mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý</i> ”.	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Điểm c khoản 2 dự thảo Nghị quyết		Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thuyết minh thêm đối với đối tượng “ <i>Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc Sở Khoa học và Công nghệ</i> ”	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết		Quy định cụm từ “ <i>cơ quan, tổ chức, đơn vị</i> ”, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp, thống nhất của cụm từ “ <i>cơ quan, đơn vị</i> ” tại Điều 2.	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết		Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định: “2. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này là người có thẩm quyền <u>quyết định phê duyệt kế hoạch</u> thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường (dịch vụ theo yêu cầu riêng) trong lĩnh vực công nghệ thông tin.” Tại Điều 51, 53 của của Nghị định số	Sở Khoa học và Công nghệ giải trình như sau: quy định khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết là cần thiết nhằm quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường (dịch vụ theo yêu cầu riêng) trong

			73/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP quy định: “28. Sửa đổi, bổ sung Điều 51 như sau: Điều 51. Quản lý thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước ... 4. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại khoản 2, 3 Điều này b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương...” 31. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau: “Điều 53. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng 1. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng (sau đây gọi là kế hoạch thuê) là cấp có thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Nghị định này.” Căn cứ quy định trên, quy định tại khoản 2	lĩnh vực công nghệ thông tin để áp dụng trong thực tiễn.
--	--	--	--	---

		Điều 3 dự thảo Nghị quyết phù hợp với quy định tại Điều 51, 53 của của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2024/NĐ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết. Trong trường hợp không quy định khoản 2 Điều 3, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Điều phù hợp.	
	Điều 4, 5 dự thảo Nghị quyết	Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 4, 5 như sau: “Điều 4. <i>Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định pháp luật.</i> Điều 5. <i>Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025.”</i>	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo
	Về kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết	a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày số, ký hiệu văn bản và Quốc hiệu, Tiêu ngữ theo quy định tại điểm c, d khoản 1; điểm đ khoản 3 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: “1. Phần mở đầu, Quốc hiệu và Tiêu ngữ trong văn bản quy phạm pháp luật	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo

			c) Quốc hiệu: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” được trình bày bằng chữ in hoa, <u>cỡ chữ 12 - 13</u>, kiểu chữ đứng, đậm và ở phía trên cùng, bên phải trang đầu tiên của văn bản. d) Tiêu ngữ: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc” được trình bày bằng chữ in thường, <u>cỡ chữ 13 - 14</u>, kiểu chữ đứng, đậm và được canh giữa liên phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối (-), có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ. 3. Số, ký hiệu của văn bản quy phạm pháp luật đ) Thể thức, kỹ thuật trình bày số, ký hiệu văn bản: - Số, ký hiệu của văn bản được đặt <u>canh giữa</u> dưới tên cơ quan ban hành văn bản ...” b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát căn cứ ban hành theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, cụ thể: “Điều 62. Căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật ... Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định <u>thẩm quyền, chức năng</u> của cơ quan ban hành	
--	--	--	--	--

			<i>văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn <u>quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.</u></i> Đồng thời, bỏ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và điều chỉnh một số căn cứ thứ 9, 10 như sau: <i>“Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;”</i> c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “<i>Ủy ban nhân dân</i>” thành “<i>Ủy ban nhân dân</i>”. d) Tại điểm b khoản 8 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định: <i>“8. Dấu và nơi nhận trên văn bản quy phạm pháp luật</i> <i>b) Tùy theo nội dung của văn bản, nơi nhận văn bản có thể gồm:</i> <i>- Cơ quan giám sát, kiểm tra việc</i>	
--	--	--	--	--

		<i>triển khai thi hành văn bản;</i> - <i>Cơ quan công báo;</i> - <i>Cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai thi hành văn bản;</i> - <i>Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;</i> - <i>Đơn vị lưu văn bản và đơn vị soạn thảo văn bản.”</i> Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát Nơi nhận phù hợp. Đồng thời, điều chỉnh nội dung sau “<i>Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;</i>” thành “<i>Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp</i>”; “<i>UBND các phường, thị trấn, xã;</i>” thành “<i>UBND các xã, phường, thị trấn;</i>”.	
	Về dự thảo Tờ trình	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh Tờ trình dự thảo theo ý kiến góp ý tại Mục II Công văn này và các nội dung sau: 1. Điều chỉnh Tờ trình dự thảo theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. 2. Điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 68 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, cụ thể: “Điều 68. Viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật	Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, hiệu chỉnh dự thảo

			<i>1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:</i> <i>a) Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và năm ban hành; ...;</i> <i>c) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung” và năm sửa đổi, bổ sung; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì ghi các năm sửa đổi, bổ sung. Khi viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản.”</i>	
9	-	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh (tại Công văn số 873/MTTQ-BTT ngày 12/5/2025)	Thông nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
10	-	Ban Quản lý khu kinh tế (tại Công văn số 942/BQLKT- VP ngày 13/5/2025)	Thông nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
11	-	Sở Văn hóa, Thể thao và	Thông nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-

		Du lịch (Công văn số 2002/SVHTTDL-VP ngày 14/5/2025)		
12	-	UBND huyện Tri Tôn (tại Công văn số 881/UBND-KT ngày 14/5/2025)	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
13	-	UBND huyện Châu Phú (tại Công văn số 423/UBND-VP ngày 13/5/2025)	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
14	-	UBND huyện Châu Thành (tại Công văn số 542/UBND-VX ngày 14/5/2025)	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
15	-	Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Công văn số 1474/SNNMT-KHTC ngày 14/5/2025)	Đề nghị đơn vị soạn thảo ghi thống nhất nội dung giữa tiêu đề và nội dung chi tiết ở từng mục để có cách hiểu thống nhất trong quá trình thực hiện. Ví dụ: Ở Điều 2. Thẩm quyền quyết định việc <u>mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ</u> thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ Tuy nhiên ở Khoản 1. Thẩm quyền quyết định việc <u>mua sắm tài sản</u> của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và ở Khoản 2. Thẩm quyền quyết định việc <u>mua sắm hàng hóa, dịch vụ</u> không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này...	Sở Khoa học và Công nghệ thống nhất trình bày như dự thảo nhằm cụ thể hóa theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 91 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

	Dự thảo Nghị quyết	Chỉ có nội dung phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa và dịch vụ thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, vậy đối với các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ <u>không có hạng mục mua sắm</u> thì áp dụng theo quy định nào để thực hiện. Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ phạm vi điều chỉnh để việc phân cấp được rõ ràng, đầy đủ	Sở Khoa học và Công nghệ giải trình như sau: - Phạm vi dự thảo Nghị quyết: quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. - Trường hợp, các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ <u>không có hạng mục mua sắm</u> thì
--	-----------------------	---	---

				không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.
			Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét, bổ sung phân cấp quyết định đầu tư, mua sắm, thuê các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ giải trình như sau tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết đã quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm, thuê các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên
16	-	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (tại Công văn số 39/CV-HHDN ngày 13/5/2025)	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-
17	-	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh (tại Công văn số 2110/BTV-GĐXHKT ngày 14/5/2025)	Thống nhất dự thảo Tờ trình và Nghị quyết	-